

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2020

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly
hôn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Ngọc Cận.

Ông Phan Văn Tạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Như, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền, Kiểm sát viên.

Ngày 06/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sơn Thị Sà R, địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Số KM/HH đường Q, Khóm H, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ nơi ở hiện nay: Số BSS đường L, Khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lý C, địa chỉ: Số KM/HH đường Q, Khóm H, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2019 và lời trình bày của bà Sơn Thị Sà R tại phiên tòa thì:

Bà R và ông Lý C tổ chức lễ cưới vào năm 1991, đến ngày 17/8/20XX mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh

Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống, ông bà có 03 con chung là Lý P (nam, sinh năm 1992), Lý Thị Phương T (nữ, sinh năm 1996), Lý Thị Bích Tr (nữ, sinh ngày 22/3/2010) và tạo lập được căn nhà tại số KM/HH đường Q, Khóm H, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nhưng không có nợ chung.

Trong thời gian chung sống, bà R và ông C phát sinh mâu thuẫn do ông C không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ năm 2018 thì ông bà không còn sống chung đến nay.

Bà Sơn Thị Sà R yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lý C và trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Thị Bích Tr (nữ, sinh ngày 22/3/2010), không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung thì tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Sơn Thị Sà R đã nộp bản sao Giấy khai sinh của các con; Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn của bà R và ông Lý C.

- Theo trình bày của cháu Lý Thị Bích Tr tại Biên bản ngày 14/10/2019 thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là bà Sơn Thị Sà R.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà bị đơn đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con và bị đơn cư trú tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông C.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do bà Sơn Thị Sà R cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[3.1] Bà Sơn Thị Sà R và ông Lý C xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện và có đăng ký kết hôn ngày 17/8/20XX tại Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[3.2] Sau thời gian chung sống thì bà R, ông C phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, thường xuyên cãi vã nhau; từ năm 2018 đến nay thì ông bà không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà R ly hôn với ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.

[4] Về con chung, các cháu Lý P, Lý Thị Phương T được sinh ra trước ngày bà R và ông C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (ngày 17/8/20XX). Theo bản sao Giấy khai sinh của cháu P, cháu T thể hiện bà R, ông C là cha mẹ của các cháu, nên Hội đồng xét xử xác định cháu Phụng, cháu Thanh là con chung của bà R, ông C theo quy định tại đoạn 3 khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Đối với yêu cầu nuôi cháu Lý Thị Bích Tr (nữ, sinh ngày 22/3/2010) của bà R, Hội đồng xét xử thấy rằng bà R có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con; từ khi bà R, ông C không còn sống chung đến nay thì cháu Tr đã sinh sống ổn định với bà R tại số BSS đường L, Khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; đồng thời, cháu Tr cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Riêng các cháu Lý P, Lý Thị Phương T đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc nuôi con.

[7] Về cấp dưỡng nuôi cháu Lý Thị Bích Tr, do bà R không yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trang theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[9] Về tài sản chung: Bà R không yêu cầu chia nên không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung: Bà R tự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[11] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[12] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Sà R được ly hôn với ông Lý C.

2/. Về con chung:

Ông Lý C có trách nhiệm giao cháu Lý Thị Bích Tr (nữ, sinh ngày 22/3/2010) cho bà Sơn Thị Sà R trực tiếp nuôi dưỡng; Ông Lý C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lý C có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lý Thị Bích Tr theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3/. Về tài sản chung: Bà Sơn Thị Sà R không yêu cầu chia nên không xem xét, giải quyết.

4/. Về nợ chung: Bà Sơn Thị Sà R tự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

5/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sơn Thị Sà R phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0009409 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; bà Sơn Thị Sà R đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6/. Bà Sơn Thị Sà R có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Lý C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Khương